

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 4 tháng 8
năm 2020



TỔNG SỐ CA BỆNH

4,698,818

49,716 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

155,204

733 Số Ca Tử Vong Mới*



Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

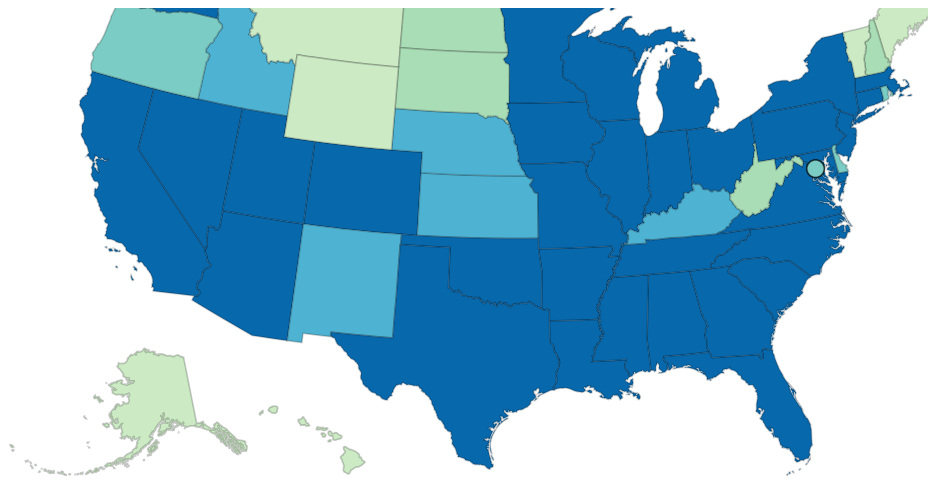
Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.





AS GU MH FM MP PW PR VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 1.000
 1,001 đến 5,000
 5,001 đến 10,000
 10,001 đến 20,000
 20,001 đến 40,000
 40.001 trở lên

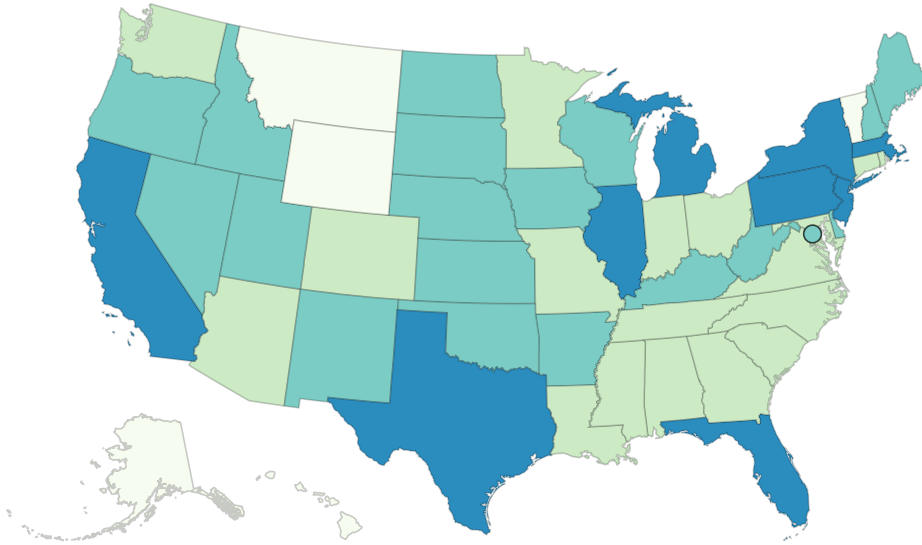
Khu vực phân quyền			
Khu vực phân quyền	Số ca bệnh đã xác nhận	Số ca bệnh có thể có	Tổng Số Ca
<input type="radio"/> Alabama	89,927	2,734	92,661
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	3,341
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	179,497	0	179,497
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	44,597
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	514,901
<input type="radio"/> Colorado	44,773	3,195	47,968
<input type="radio"/> Connecticut	48,093	1,969	50,062
<input type="radio"/> Delaware	14,058	997	15,055
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	12,313
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	486,426
<input type="radio"/> Georgia	N/A	N/A	195,435
<input type="radio"/> Guam	N/A	N/A	375
<input type="radio"/> Hawaii	N/A	N/A	2,311
<input type="radio"/> Idaho	20,372	1,303	21,675
<input type="radio"/> Illinois	183,241	1,281	184,522
<input type="radio"/> Indiana	N/A	N/A	68,433
<input type="radio"/> Iowa	N/A	N/A	45,845
<input type="radio"/> Kansas	28,235	641	28,876
<input type="radio"/> Kentucky	29,623	1,885	31,508

<input type="radio"/> Louisiana	N/A	N/A	120,846
<input type="radio"/> Maine	3,548	427	3,975
<input type="radio"/> Marshall Islands	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland	N/A	N/A	91,854
<input type="radio"/> Massachusetts	110,595	8,062	118,657
<input type="radio"/> Michigan	83,386	8,988	92,374
<input type="radio"/> Micronesia	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota	N/A	N/A	57,162
<input type="radio"/> Mississippi	61,186	1,013	62,199
<input type="radio"/> Missouri	N/A	N/A	52,887
<input type="radio"/> Montana	4,314	0	4,314
<input type="radio"/> Nebraska	N/A	N/A	26,956
<input type="radio"/> Nevada	N/A	N/A	51,422
<input type="radio"/> New Hampshire	N/A	N/A	6,660
<input type="radio"/> New Jersey	N/A	N/A	182,614
<input type="radio"/> New Mexico	N/A	N/A	21,130
<input type="radio"/> New York	N/A	N/A	190,879
<input type="radio"/> New York City	222,840	4,633	227,473
<input type="radio"/> North Carolina	N/A	N/A	126,532
<input type="radio"/> North Dakota	N/A	N/A	6,933
<input type="radio"/> Northern Marianas	46	0	46
<input type="radio"/> Ohio	88,997	4,966	93,963
<input type="radio"/> Oklahoma	38,520	2,679	41,199
<input type="radio"/> Oregon	19,366	0	19,366
<input type="radio"/> Palau	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania	110,970	3,185	114,155
<input type="radio"/> Puerto Rico	7,413	11,911	19,324
<input type="radio"/> Rhode Island	N/A	N/A	19,246
<input type="radio"/> South Carolina	92,404	547	92,951
<input type="radio"/> South Dakota	N/A	N/A	9,020
<input type="radio"/> Tennessee	109,325	1,311	110,636
<input type="radio"/> Texas	N/A	N/A	442,014
<input type="radio"/> Utah	41,802	351	42,153
<input type="radio"/> Vermont	N/A	N/A	1,426
<input type="radio"/> Virgin Islands	N/A	N/A	463

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



AS GU MH FM MP PW PR VI









































Số ca tử vong đã báo cáo

0 to 100 1,001 to 5,000 101 to 1,000 5.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Số tử vong đã xác nhận	Số tử vong có thể có	Tổng số tử vong
<input type="radio"/> Alabama	1,580	53	1,633
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	25
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	3,779	0	3,779
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	475
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	9,388
<input type="radio"/> Colorado	1,503	341	1,844
<input type="radio"/> Connecticut	3,555	882	4,437
<input type="radio"/> Delaware	515	70	585
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	586
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	7,292

<input type="radio"/> Georgia 	N/A	N/A	3,842
<input type="radio"/> Guam 	N/A	N/A	5
<input type="radio"/> Hawaii 	N/A	N/A	26
<input type="radio"/> Idaho 	177	23	200
<input type="radio"/> Illinois 	7,526	197	7,723
<input type="radio"/> Indiana 	2,780	200	2,980
<input type="radio"/> Iowa 	N/A	N/A	883
<input type="radio"/> Kansas 	N/A	N/A	365
<input type="radio"/> Kentucky 	740	4	744
<input type="radio"/> Louisiana 	3,910	114	4,024
<input type="radio"/> Maine 	N/A	N/A	123
<input type="radio"/> Marshall Islands 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland 	3,396	134	3,530
<input type="radio"/> Massachusetts 	8,427	221	8,648
<input type="radio"/> Michigan 	6,212	251	6,463
<input type="radio"/> Micronesia 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Minnesota 	1,620	40	1,660
<input type="radio"/> Mississippi 	1,705	48	1,753
<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	1,255
<input type="radio"/> Montana 	64	0	64
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	332
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	874
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	417
<input type="radio"/> New Jersey 	13,971	1,875	15,846
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	655
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	8,863
<input type="radio"/> New York City 	18,933	4,623	23,556
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	1,982
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	107
<input type="radio"/> Northern Marianas 	2	0	2
<input type="radio"/> Ohio 	3,271	268	3,539
<input type="radio"/> Oklahoma 	551	0	551
<input type="radio"/> Oregon 	328	0	328
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	N/A	N/A	7,209
<input type="radio"/> Puerto Rico 	127	110	237
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	1,010
<input type="radio"/> South Carolina 	1,721	72	1,793
<input type="radio"/> South Dakota 	133	2	135

<input type="radio"/> Tennessee	1,055	37	1,092
<input type="radio"/> Texas	N/A	N/A	7,016
<input type="radio"/> Utah	319	0	319
<input type="radio"/> Vermont	N/A	N/A	57
<input type="radio"/> Virgin Islands	N/A	N/A	8
<input type="radio"/> Virginia	2,134	110	2,244

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

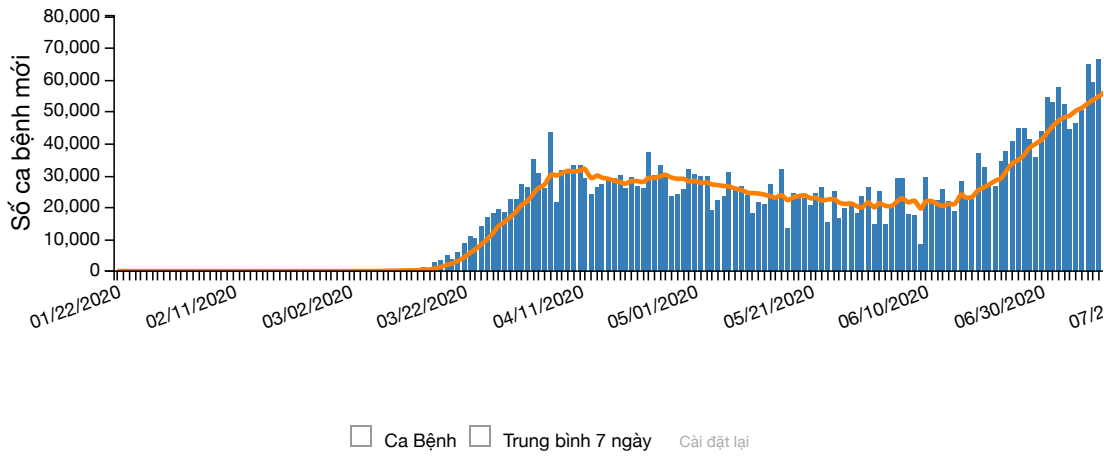
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#)

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu -

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.551.226 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 776.820 (21,9%) người. Trong số 123.738 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 84.388 (68,2%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

123.738

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG
HCP

598

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối vào ngày 4 tháng 8 năm 2020, 07:00 Chiều

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút